

NGÃ-NĂM

DÂN-TRÍ THƠ-XÃ

CÂY-KIM CHỈ-NHAM

Tác giả

PHAN-ĐÌNH-LONG



Mỗi cuốn đều có dấu riêng

Muôn cho biết đó biết đây,
Ai ơi! nên đọc sách này cho vui.

Nhất tại Ngã-năm tháng 2 năm 1927

SÀIGON
IMPRIMERIE BAO TON
MME DIEP-VANG
36bis, Boulevard Bonnard, 36bis

Octobre 1928

TIRAGE
SALON
IMPRIMERIE BAO TON
MME DIEP-VANG

LỜI TỰA

NO 96/8

Chi-Nam! Chi-Nam! Mỗi cái Địa-Bàn đều có một cây kim, quay trên một cái chốt, một đầu thì cứ chỉ về phương Nam. Nhờ đó, mà phân biệt được ba phương kia là: Đông, Tây và Bắc.

Chi-Nam! Chi-Nam! ghe tàu vượt sóng băng khơi, chỉ thấy trời xanh, nước biếc. Hành-khách trèo non lặn núi, chỉ trông rừng rậm, cây cao.

Vậy mà chẳng làm nẻo, chẳng lạc đường, có phải là nhờ Cây-Kim Chi-Nam đem đường chẳng?

Những nhà du lịch đi nước nọ, sang nước kia lộ-đồ viển-cách; những nhà mạo-hiểm đi châu này, qua châu khác, cách trở sơn-hà. Vậy mà đi tới chốn, về tới nơi, có phải là nhờ Cây-Kim Chi-Nam chỉ nẻo chẳng?

Đời Chu ông Chu-Công dùng Cây-Kim Chi-Nam mà chế ra cái xe Chi-Nam, đưa xứ nước Nam ta về nước. Chi-Nam! Chi-Nam! Ích lợi cho đời từ xưa đến nay biết là bao nhiêu!

Nay tôi làm cuốn sách này, nhân đề là: « Cây-Kim Chi-Nam » bốn ý muốn mượn cây kim này chỉ ngay vô Địa-đồ mất nước. Đặng Đồng ta, biết vận-mạng của nước, lúc nào thanh, lúc nào suy, lúc nào bĩ, lúc nào thối, như bực tranh treo trước cửa, cái gương để trên bàn; xem chung, soi chung, thấy cho rõ, biết cho cùng, cái nào đáng mừng thì mừng, đáng giận thì giận, đáng oán thì oán, đáng thương thì thương; cho sự thương nước của ta, thấm vô cốt chủy, vô não cân ta, dầu tới chết, cũng không hối-hận. Ấy, biết rõ Địa-đồ mất nước, mà dục lòng thương nước, là thương nước bằng tinh-thần. Chớ chưa tưởng vận-mạng

LIBRARY
CENTRE
DE LIPOGON
NO 26612

của nước mà đũa nhau thương nước ngoài mới, thì chẳng những hại mình, mà có ích chi cho nước.

Vậy cuốn sách nhỏ này, tuy lời quê tiếng kịch, ý hẹp văn xuôi, chưa phải là cuốn sách giá-trị, song cũng giúp ích Đồng-bào, nhứt là bạn thiếu-niên, một thiên lịch-sử nước ta. Mong rằng: Đồng bào chiếu cố đến, thì Cây-Kim Chi-Nam này chẳng dám phụ ơn Đồng-bào. Một ngày kia còn chỉ nhiều đều hữu ích được.

DÂN-TRÍ THƠ-XÃ «Ngã năm»

PHAN-ĐÌNH-LONG

Kính tựa.

CÂY - KIM CHỈ - NAM

Vì sao làm ra cuốn sách Chỉ-Nam này ? Vì thấy đồng-bào ta ngày nay, đã tự nhận mình là dân Việt-Nam, từ thành thị chí thôn quê, đều luận bàn vấn đề thương-nước.

Song thương nước mà rời rạt nhau, thì chẳng những hại cho mình, mà còn chẳng ích chi cho nước. Nên Cây-Kim Chỉ-Nam này, chỉ vô địa đồ mất nước và chỉ luôn cái tình trạng thương nước. Đặng giúp ích Đồng bào một phần thương nước bằng tinh thần, cho khỏi sự lầm lạt vậy.

Nước là cái gì ?

Nhiều người thành gia-tộc, nhiều gia-tộc thành làng. Hiệp làng thành tổng, nhiều tổng chia ra phủ-huyện. Hiệp phủ huyện chia ra tỉnh hạt. Gồm cả tỉnh hạt, thành ra khoản đất rộng lớn. Khoản đất ấy, sách trời biên chép giới hạn phân minh ; trời phú cho một dân-tộc nào quản lãnh khoản đất ấy, được quyền chung cùng nhau, khai phá trồng tủa, tự do sanh hoạt, tự do hành-động trên khoản đất ấy. Ấy là một nước.

Nước sao phải thương ?

Từ bao giờ tới bây giờ, tổ-tiên ta quần-tụ ở đó, nhau rún ở đó, nhờ đồ ăn của nước mà sống, nhờ tài vật của nước mà dùng ; nhờ có nước mà được sanh sản tự do, nhờ có nước mà được an cư lạc nghiệp.

Thế thì nước là công-sản của dân, dân là phần-tử của nước. Dân có nước như : nhà có nền, chim có ổ, kiến có hang. Nếu nhà không nền, thì rườn cột do đâu mà đứng-vững, chim không ổ, kiến không hang, thì biết nung nấu vào đâu ! Còn dân không có nước thì : Bơ vơ nay Sở mai Tần, biết đâu là chỗ mồ phần của ta. Vì vậy nên dân tộc nào đất hẹp người đông phải dòm rình trong thế giới. Coi nước nào yếu kém thua sút, thì chiếm lấy nước họ, làm kẻ thực dân cho nước mình, đặng như dân mình có nơi nung nấu.

Thế thì nước ! có phải như mẹ của dân không ? Dân ! có phải như con của nước không ? Trăm cây ngàn trái sanh ra trên mặt đất để nuôi dân, cũng như cái vú sữa của mẹ để nuôi con vậy. Nên người không có nước, còn liều thân chiếm cứ nước người thay ! phương chi chúng ta từ khi trong lòng mẹ sanh ra, đã hấp thọ cái không-khí Việt-Nam, lần lớn lên, dầu đội trời Nam, chơn đạp đất Nam, ăn cơm Annam, uống nước Annam, sống ở đất Annam, chết chôn đất Annam. Thiệt là dân chung của trời Việt-Nam, con chung của mẹ Việt-Nam vậy. Lẽ nào chẳng biết thương yêu nước, quý trọng nước, mà lo giữ gìn nước, như con lo cung-phụng cho mẹ vậy sao ?

Luận đến vấn đề thương nước thì càng khinh để cho bọn « công rắn cắn gà nhà, cầu vinh mà bán nước ! » Tuy đời đã qua, người đã chết, dưới ngàn năm còn để tiếng như. Thế thì ta thương nước tức là ta thương ta, vì nước với ta như tình mẹ con, quan hệ nhau, chẳng rời nhau được. Trong lúc mẹ nước được bình an vô sự, con dân được hưởng hạnh phúc thái-bình. Còn ngày mẹ nước có

việc chiến tranh, có đều hoạn nạn, con dân lẽ nào làm ngo sao đành ! Kia ! chim còn biết thương ồ, kiến còn biết thương hang, người có nước mà không biết thương sao phải là người. Nào khác gì loài vật, chỉ biết ăn, biết uống để sống làm nô-lệ cho người mà thôi, chớ có biết nước là cá gì ? không biết nước thì mong gì thương nước ! Vậy nên ai tự nhận mình là dân trong nước, bất luận già, trẻ, gái, trai ; sang, hèn, giàu, khó, đều nên thương nước cả.

Nước ta có hạng người, mặt người lòng thú, thường phò lời nói dả man rằng : « Nước ta ở dưới quyền Đại-pháp bảo hộ, chúng ta không nên thương nước, nếu thương thì ở tù », dân ta nghe lầm lời nói ấy, mà dân ra dân, nước ra nước, chẳng có tình quan hệ nhau ; máu thương nước do đó mà nguội lạnh, thiệt là tức tối lắm thay ! Vả chẳng, nước Đại-pháp là một nước Văn-minh bên Châu Âu, cái vấn-đề « Dân đối với nước » đã thuộc nằm lòng, lẽ nào chẳng biết dân thương nước, mới trọn nghĩa vụ làm dân, mà dân ta biết thương nước, tức là một điều vinh hạnh cho nước bảo hộ đó ư ?

Giả như : Dân ta có tinh thần thương nước, thì dầu nước nào mạnh hơn nước Đại-Pháp tới lấn nước ta, tất nhiên dân ta liều chết mà chống cự họ, giữ gìn nước, đó có phải Đại-Pháp dự được phần vinh không ?

Nếu dân ta không thương nước, thì coi nước là một vật thường, nay đem cố cho nước này, mai đem đưng cho nước khác. Còn, còn, mất, mất, chẳng quản vào lòng. Vì nghĩ rằng : « dầu đổi chủ nào, dân ta cũng không mất quyền nô-lệ » như vậy thì nước Đại-Pháp cố giữ tròn trách-nhiệm bảo-hộ nước Nam được đâu ! Vậy thì nước bảo-hộ cần phải mở trường thương nước, làm sách thương nước, sẵn lòng khai hóa cho dân ta, từ già chí trẻ, từ thành thị chí thôn quê, hiểu rõ hai chữ quốc-dân mà bèn lòng thương nước, mới phải. Có lẽ nào cấm tuyệt cái lòng thiên-nhiên là lòng thương nước của chúng ta bao giờ ? Xét lại câu

nói « Thương nước phải ở tù » là lời nói của quân vô lương tâm phô bày hăng ngày đe dọa nạt người đó ; chớ nước Bảo-hộ có tờ-thị gì cấm sự thương nước của dân ta đâu ? Vậy thì đồng-bào ta đừng tin đừng nghe những lời nói vô lý ấy, mà nhẹ lòng thương nước, thì chẳng những dân trí ta thấp hèn, mà nước bảo-hộ cũng mang tiếng ngược đãi dân ta nữa.

Xét cho kỹ, nghĩ cho cùng, bần phận dân phải thương nước. Nay tôi bàn ngay cái vấn đề thương nước.

Thương nước chia ra hai mục : một mục quá khứ, một mục tương lai. Mục quá-khứ nghĩa là nói việc nước đã qua ; Mục tương lai nghĩa là nói việc nước sẽ đến. Cái hiện trạng trong hai thời kỳ ấy, nhờ Cây-kim-chỉ-nam chỉ đại lược mỗi khoản, đặng chúng ta biết rõ được vận mạng của nước.

1. Mục quá khứ.

Nước Nam ta hiện nay gồm cả Bắc, Trung, Nam-kỳ làm một nước. Đông giáp biển thái bình, tây giáp nước Miến-điện, Ai-lao và Cao-man. Bắc giáp nước Tàu, Nam giáp vịnh Xiêm. Đường đường một giải non sông, trời cho dân tộc Tiên-Long giữ quyền, đã lâu đời rồi. (Tuy công khai sản mỗi xứ có trước sau, từ Quảng-bình sắp ra toàn xứ Bắc-kỳ là nước Annam. Quảng-bình tới Bình-thuận, nguyên địa phận Chiêm-Thành. Sáu tỉnh Nam-kỳ, nguyên địa phận Chơn-Lạp. Đời Lý Thánh Tông, Lê Thánh-Tông cùng Nguyễn-Triều, mỗi đời đánh dẹp lần lần, mới có cái bản đồ Annam ngày nay. Đây nói lâu đời, là kể từ khai-sán Bắc-kỳ đến nay).

Kể đến tuổi 4807 tuổi, (Từ vua Kinh-dương-vương tới năm Bảo-đại thứ 2, Tây lịch 1927) so với các nước trong thế giới, nước ta là một nước thiệt Già. Trải từ lúc nước còn xuân-xanh, đến lúc nước Trưởng-thành, đến ngày nước già cả, trải biết bao nhiêu sự cay đắng, sự nguy hiểm trong nước đã qua. Ai là dân Việt Nam, lẽ nào chẳng xem lịch sử Tổ-quốc, những việc đã qua, mà sử Nam còn chép đề rõ ràng đó ư ?

Trước kể Đại-lược tên nước.

Nhắc đến tên nước như nhà nhiều chủ, con nhiều cha, càng thương cho nước. Sơ khai gọi là Giao-chỉ Giao-Châu, Viêm bang, Việt-thường. Vua Kinh-dương xưng là Xích-quỉ. Vua Hùng-vương xưng là Văn-lang. Đời Thục hiệu là Âu-Lạc, đời Triệu đặt là Nam-Việt. Đời Tiên-ly hiệu là Vạn-Xuân. Đời Đường kêu là Annam Đô-hộ-phủ. Vua Túc-Tông đổi là Trấn-Nam. Vua Đại-Tông kêu là Annam. Vua Đinh-tiên-Hoàng hiệu là Đại-cử-Việt; nhà Lý cải hiệu là Đại-Việt. Vua Gia-long xưng là Việt-Nam. Vua Minh-mạng đổi xưng là Đại-Nam. Hiện nay chia ra làm Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ.

Cũng một khoả đất ấy, nay tên này mai tên khác, hễ đổi tên thì đổi chữ, nên khác nhau như thế. Chớ nhìn lại thì nước nguyên nước cũ, người vẫn người xưa, một đất một trời, một nòi một giống, có chi là khác đâu!

Vậy mà mỗi lần đổi tên đổi chữ, thì nước càng chịu buồn rầu thắm khổ biết bao nhiêu? Ấy là vì mỗi phú quý, bả vinh hoa, mà xung đột nhau lọng trời chuyển đất. Có khi thay phôi như núi, máu chảy tợ sông, tổn biết bao nhiêu của nước dân trời, chết biết bao nhiêu anh hùng hào-kiệt, mới đổi được chữ mới. Cũng có khi 10 năm binh cách, 20 năm can qua, nước đã chịu mũi đạn đầu tên, mà còn bị chia châu cắt quận. Vậy thì một lần đổi tên đổi chữ, nước còn chịu khổ-sở thay! phượng chi từ lúc sơ khai đến bây giờ do sự chiến tranh đổi tên đổi chữ hơn mười mấy lần, thì biết bao nhiêu những việc nguy biến trong nước đã qua. (Cũng có khi đổi tên đổi chữ mà nước được bình an, song về phần ít). Ôi! thương cho nước không an một chữ, nay tên này mai đổi tên kia, khác nào một cái tròng bia, đầu tên mũi đạn có lia đi đâu.

Xét họ Hồng-Bàng vua Kinh-dương-vương truyền cho vua Lạc-Long; vua Lạc Long truyền cho vua Hùng-vương, tổng cộng 20 ông vua, 2622 năm. Bị vua Thục-an-dương giặc vua Hùng-vương làm vua được 50 năm. Lại bị ông Triệu-Đà đánh họ Thục làm vua 5 đời, 97 năm.

Trong lúc ấy, người một nước tham quyền đoạt lợi với

nhau, mẹ nước còn buồn rầu thay ! phương chi sau khi đời Triệu làm vua vừa mãng, thì nước ta nội thuộc Tây-Hơn 149 năm. Nào là tham tàn bạo ngược, tùy ý người Tàu, xâu cao thuế nặng, tùy lệnh quan Tàu. Bọn ngoại bang chỉ vị túi tham, mà tung hoành trong nước, bóc lột của dân. Mẹ nước con dân, chịu biết bao nhiêu khổ sở.

Khi ấy, cắn răng với quân độc-ác, chờ ngày hại kẻ tham tàn, mẹ nước lo sợ đêm ngày, mới trở sanh anh-thơ Trung-Trắc. Bà thù nỗi Tô-Định giết chồng (Thi-Sách), thương nỗi Annam mất nước, tình nhà nợ nước, ôm ấp trong lòng, nghĩa cả tình riêng, chứa chan trong dạ. Bèn cùng em gái là bà Trung-Nhi, đánh đuổi Tô-Định về tàu, khôi phục nước Lánh Nam.

Ba năm độc lập xưng hùng, mẹ nước đương vui mừng hơn hở. Bồng đầu nhà Hơn sai Mã-Viện đem binh qua đánh Trung-nữ-Vương thua. Mới dựng cột đồng làm giới-hạn. Nước ta lại nội thuộc Đông-Hơn 144 năm.

Thương cho nước mừng chưa được mấy, cột đồng kia càng thấy càng đau, bây giờ mẹ nước tình sao, ôm lòng cay đắng ra vào với con ! Đời ấy may được quan Thái-Thú là ông Sĩ-Nhiếp, giàu lòng khai hóa, học rộng văn chương, lấy thi thơ hóa tục nước, lấy nhơn nghĩa kết lòng dân, 40 năm đất lặng trời yên, mẹ nước tạm mừng cho con dân có phước. Ai ngờ ! chẳng bao lâu, nước ta lại nội thuộc Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương tới 314 năm. Trong khoản 4 trăm năm lẽ (Từ nội thuộc Đông-Hơn tới nước Lương) người ngoại bang đối với nước ta, thợ dân ta như tôi mọi, nào là phân châu cắt quận, cải hiệu đặt tên, mặc ý tham tàn, hết lòng bạo ngược. Cái thói cây không trồng không tiếc, con không đẻ không thương, của người ngoại bang, chẳng cầu nói ai ai cũng biết. Lúc bấy giờ mẹ nước lo sợ buồn rầu mới trở sanh Lý-Bôn hào-kiệt. Ngài đuổi quan Thái-thú nước Lương là Tiêu-Tư về Quảng-Châu. Xưng là Nam-Việt đế. Ở ngôi được 7 năm, bị quan Tướng nước Lương là

Trần-bá-Tiên đánh giết. Kế đến ông Triệu-quang-Phục, cũ binh đánh Bá-Tiên xưng là Triệu-Việt-Vương, ở ngôi được 23 năm, bị Lý-Phật-Tử (Tộc tướng đời Tiền Lý) cướp ngôi, xưng là Hậu-Lý-Nam-Đế, ở ngôi 32 năm. Trong lúc ấy, can qua xung đột, mẹ-nước cũng buồn rầu, song dân-tộc nước Nam vẫn ở dưới quyền người Nam cai trị. Thương cho nước sau đời Hậu-Lý lại nội thuộc Tùy Đường 304 năm. Quan quân chỉ vị túi tham, họ vắt sữa cho đầy túi; hút máu cho mập mình, chỉ toan lợi kỹ, nào biết có ai.

Ôi! ngoại bang đối với ta, miệng phở như nghĩa, bụng vẫn tham tàn, họ có thương gì ta đâu! dầu cho nước ta mất, nhà ta hư, dân ta chết, của ta hết, mà có lợi cho xã-tắc họ, chủng-tộc họ, họ cũng cứ làm, thiệt là ghê-gớm.

Trong lúc ấy mẹ nước nào an, nên sanh được ông Dương-đình-Nghê.

Ngài thừa lúc nước Tàu nội loạn, mà chống đánh với quân Tàu, khôi phục lại nước Nam. Chẳng bao lâu, ngài bị tỳ-tướng của Ngài là Kiêu-công-Tiền giết. Lúc ấy ông Ngô-Quyền cũ binh đánh giết Công-Tiền, rồi đánh thắng luôn quân Tàu, mà dựng cờ Độc-lập. Sau khi vua Ngô-vương suy, quần hùng quật khởi, chiếm cứ mỗi người mỗi quận, thành ra thời-đại 12 quan Sứ-quân.

Xét theo Nam-sử, nước Nam ta bị nội thuộc bên Tàu 3 lần. Lần thứ nhất nội-thuộc Tây-Hơn, có bà Trưng-vương cỡi ách nô-lệ cho dân ta. Lần thứ nhì nội-thuộc Đông-hơn và Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương, thì có ông Lý-Bôn cỡi cái ách cường-quyền của ngoại bang. Lần thứ ba nội-thuộc Tùy-Đường, thì có ông Dương-đình-Nghê khởi nghĩa trước, Ngô-vương-Quyền thành công sau, táo trừ ngoại bang, gây nền độc-lập. Vẻ vang thay! đẹp đẽ thay!

Trong đời 12 quan Sứ-quân tranh hoành nhau, thì hơn dân rất là khổ-sở, mẹ nước chẳng nở bỏ con, mới sanh Đinh-Tiên-Hoàng Hào-kiệt, Ngài đánh dẹp 12 quan Sứ-quân mà nhất thống thiên hạ. Đất nước Nam giao lại người Nam, những quân ngoại-quốc gian-tham kinh hồn.

Trãi qua Lê, Lý, Trần, Lê, mỗi đời chủ cũng có chiến tranh, song vẫn thuộc người Nam tự trị. Tuy đôi phen rối loạn, như: Hồ-thị soán Trần, Mạc-thị tiếm Lê, Trịnh-thị chuyên quyền (Triều-Lê). Kế Nguyễn-Triều đức Gia-Long cùng Tây-Sơn Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ, nhiều phen cự địch, long trời chuyển đất. Mẹ nước cũng lo sợ buồn rầu nỗi con dân nỗi da xáo thịt. Sau khi vua Gia-Long đại định thiên hạ rồi, bốn biển sóng êm, ba kỳ gió lặng, mưa như rã khắp, mây đức phủ che. Mẹ-nước lúc bấy giờ mừng thầm rằng: Nước ta từ cõi cái ách cường quyền của ngoại bang, đến nay cũng đã lâu đời, cây Độc-lập chắc đã đơm bông, nhánh phú cường cũng đã trổ trái.

Nay mai đây sẽ vào hội liệt cường, khỏi lo cái thảm trạng nô-lệ như trước nữa. Ai dè đâu! cọp ngăn cửa trước, lan tới ngõ sau, bình tịnh chưa bao lâu, đã gặp cơn binh cách.

Thương cho nước quốc-vận suy đồi, nhưn tài trụ lạc. Tây nhưn thừa thế tấn binh, cho nên nước ta mới mất quyền tự trị. Năm 1847, nhằm đời vua Thiệu-Trị ở ngôi. Ngài tuân y điều lệ giết người Langsa và cầm tù cố-đạo của đức Minh-Mạng, cho nên Pháp Nam ác cảm càng sâu. Năm ấy (1847) Ông Lapierre coi tàu chiến Gloive đã phá tan chiến thuyền Annam ta tại cửa Đà-nẵng (Tourane) một trận tang tành. Qua năm 1858 nhằm vua Tự-Đức năm thứ mười, Đại-Pháp với Tây-ban-nha, đem binh thuyền 14 chiếc vào cửa Đà-Nẵng, trong mấy giờ đồng-hồ đã lấy được Đà-Nẵng.

(Chỗ-này là một chỗ hiểm yếu của nước Nam). Năm 1859 mấy quan ấy đem tàu binh vào cửa Cần-giờ, qua thành Gia-định, đánh lấy tỉnh Saigon. Quan quân ta liền chết chống cự 2 ngày, rồi thành Saigon cũng bị mất. Qua năm Tự-Đức thứ 14 (1862) Annam với Đại-Pháp nghị hòa. Cắt 3 tỉnh Nam-kỳ là Gia-định, Định-Tường và Biên-hòa (kêu là ngoại tam tỉnh) nhượng cho Đại-Pháp và chịu bồi thường tổn phi 20 triệu francs. Năm 1863 vua sai ông Phan-thanh-Giảng sang sứ Đại-Pháp, điều định việc chuộc ba tỉnh đã nhượng ấy lại, song việc không thành.

Lúc ấy tình cảnh nước ta rất là nguy cấp, đất nước chia cho ngoại quốc, lòng mẹ nào an. Con dân chịu nỗi bần than, dạ con thêm tủi. Thương xót thay ! buồn bã thay !

Nhưng vậy đã được an đâu ! năm 1874 ông Trương-công-Định chống cự với Đại-Pháp mà nội tam tỉnh là : Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên, Đại-Pháp đánh lấy luôn. Bất dĩ vua Tự-đức phải toàn nhượng, xứ Nam-kỳ cho Đại-Pháp.

Xét trong khoản giao hảo này, Nam sử chỉ nói sơ qua, khó tường sự thiệt. Kẽ hậu sanh này chỉ nghĩ rằng : Nước Pháp cùng nước Nam, Âu, Á riêng trời, trắng vàng khác giống, tiếng nói năn chưa hiểu, sự giao thiệp chưa thông, lúc ban sơ 2 người 2 nước gặp nhau, nào khác gì 2 người cầm nói chuyện. Da dẻ, đường đi ngan mấy biển, tàu chạy một tháng trời. Tại sao ? mà Đại-Pháp biết góc trời Nam này thiếu quyền tự trị, mà băng non vượt biên đi tới rải hoa ? Ấy, chắc nhờ mấy cố-đạo đi qua giảng đạo các nước bên Á-đông, biết rõ tình đời trước. Kể đến năm Đức Gia-Long nhờ ông Bà-da-Lộc đem Đức Đông-cung-Cảnh về Đại-Pháp, xin binh đánh Tây-sơn mà nhứt thống thiên hạ, cho nên quen đường thuộc nẻo nước Nam ta từ đây.

Còn sự ác cảm giao binh lại càng khó hiểu. Nước Đại-Pháp thì trách vua ta trái tình giao hảo, hạ lệnh giết quan Langsa, và cầm tù các cố-đạo, vì vậy sanh mối nghịch thù, mới sanh ra giao chiến. Còn về phần Annam ta, thì tình ý của tiên nơn ta thế nào, ta chưa dám chắc. Song cũng phỏng đoán rằng : Ý Tiên nơn ta nghĩ : « Một bên chống năm, há để người đứng ngũ ngáy » hưởng lại chưa tin Đại-Pháp là lãnh thiên chức rải hoa. Nghi cho mấy người Langsa ở đây dòm rình vận nước. Hoặc có rải hoa thiệt đi nữa. Sợ Đại-Pháp lấy bạc vàng châu báu của nước Nam, mà đúc hoa đi rải nước khác chẳng ? Ấy cũng vì tình ý khác nhau, cho nên trái lời giao ước, sanh mối nghịch thù, cho đến đổi điều đình không an, phải thành ra huyết chiến. Việc trước người sau, chưa chi là chắc. Song cũng luận sơ một đoạn để hiển đồng bào. Nếu có sai lầm, xin đồng

bào rộng tình dung thứ.

Trong lúc vua Tự-Đức bắt-đắt-dỉ nhượng xứ Nam-kỳ rồi. Mẹ nước thăm sâu, con dân lo sợ, chưa quen tình ý, chưa biết tiếng tâm, phần nhiều người Nam ta thấy người Đại-Pháp bắt luận là Tây quan, Tây linh, Tây trẻ, Tây già, dân ta cũng đều tôn xưng là Ông Tây, lại nhiều khi không dám tới gần, không dám nói chuyện nữa. Cho đến mấy chú phụ tùng đồng bào ta cũng vinh xưng là chú bồi, cậu bếp.

Hiện con mắt tôi thấy : Xứ Trung-kỳ 15 năm trở về trước, hễ có tây lời chợ nhà quê, tự nhiên bạn hàng rủ nhau gánh đồ mà chạy. Các người bồi bếp thừa thế mua không trả tiền. Chánh tôi đây, lúc ấy được 16, 17 tuổi mà có học chữ Langsa chút đỉnh. Song gặp mấy người da trắng, lòng cũng run en. Ấy là Đồng bào ta nhác lắm chăng ? sao mà sợ đến thế ? Vì người Đại-Pháp ít hay về hương thôn, cả đời người mới thấy lần thứ nhứt, nên coi là một giống khác lạ, ta phải tránh vậy ? Cái sợ đó cũng lẽ thường. Nghĩ trong thời cuộc lúc bấy giờ, thiệt lấy làm nhục nhả ! Xấu hổ ! biết bao nhiêu ! Ai là người dân trong nước, thấy tình cảnh lúc ấy há chẳng động lòng thương hay sao ? Tuy hoà ước ký xong, mà người mình chưa thiệt phục Đại-Pháp, cho nên năm nào cũng có nghĩa binh chống cự luôn luôn. Nhưng mà Annam ta tài kém sức thua, rồi cuộc liêu thân theo nước.

Năm 1873 quan binh Đại-Pháp đánh lấy thành Hà-nội tháng sau hạ được Phủ-Lý, Hải-dương, Ninh-bình và Nam-định. Vua Tự-Đức sai Nguyễn-văn-Tường làm Toàn-quyền định hoà ước lại. Trong năm 1882-1883 Annam lại cùng Đại-Pháp chống cự nhau nhiều trận dữ dội. Năm Tự Đức 36 (1883) Đại-Pháp đem binh vào cửa Thuận-an. (Huế) gặp hồi vua Tự-đức thắng-hà, vua Hiệp-hòa lên ngôi. Khiến Trần-dinh-Đức tới cửa Thuận-an nghị hòa. Sáng bữa sau quan binh Đại-Pháp tới kinh thành Huế định 27 khoản hòa ước, trong có một khoản lớn nhứt, Annam ta phải nhìn Đại-Pháp là mẫu-quốc bảo hộ. Tờ Hòa ước này định cho

Annam trong 24 giờ phải tỉnh lẽ nào cho xong. Vì thế, nên ngày 25 Août 1884, Annam thuận theo lời hòa ước ấy.

Ồi ! Trái từ Đinh, Lê, Lý, Trần, đến nay, nước ta đã cỗi cái ách chuyên chế của ngoại bang, nối nhau tự trị ; những tưởng đến ngày nay, nước ta cũng giữ được cái thái độ Độc-lập như Nhật-bổn, tự trị như Xiêm-la ; Phú cường sánh với Đại-Pháp, Huê-kỳ. Tài năng giỏi như nước Anh nước Đức. Đặng chen vai đứng cùng vạn quốc cho rõ mặt Việt-Nam. Nào hay đâu, nay lại thần phục Đại-Pháp, thiệt là một điều thất vọng của nước ta lúc bấy giờ lắm.

Khi ấy, mẹ nước, con dân lo sợ, chẳng có bút mực nào kể ra cái thảm trạng cho đủ được. Vì bấy lâu chưa từng thấy Tây-nhơn, vừa thấy, lòng như dao cắt. Chưa từng nghe Đại-bát, vừa nghe, dạ tựa kim châm. Còi tàu oe oe ! Tiếng kèn te te ! Tàu bay, tàu lặn, nào súng, nào xe, dọc ngang trước mặt hằng ngày, mẹ nước vì tiền đồ, vì con dân, mà chứa chan giọt lụy.

Trong khi định hòa ước lại, ngỡ cũng đã an, nhưng mà năm 1885, Tôn-thất-Thuyết đánh với Đại-pháp, mà còn gây lắm trận huyết chiến nữa.

Năm ấy, nhằm đời vua Hàm-nghi trị vì, quan Nguyên-soái Đông-Pháp đem binh tới kinh thành Huế, quan quân ta chống cự không lại. Nên Tôn-Thất-Thuyết phò đức Hàm-Nghi ra chạy. Quan bảo-hộ và Triều-đình Nam tôn đức Đồng-Khánh lên ngôi, trả kinh thành lại. Cũ Nguyễn-hữu-Độ làm Bắc-kỳ kinh lược sứ. Lại lập Bắc-kỳ quốc hội. Cũng năm ấy, vua nhượng thành Hà-nội và Hải-phòng cho nước Đại-Pháp. Từ ấy đến nay, chánh thể chia hai, Nam-kỳ thuộc địa, Trung, Bắc bảo-hộ.

Nước Nam mà chủ ai đâu ? người còn đau đớn nước nào làm ngơ. Cho nên mẹ nước ngậm oán nuốt sầu biết bao nhiêu chan chứa !

Tỉnh lại, thì Đại-Pháp lấy nước Nam ta, chia làm 3 thời-kỳ. Lần thứ nhất lấy thúng gạo Nam kỳ ; lần thứ nhì lấy thúng gạo Bắc-kỳ, sau rốt mới lấy đòn-gánh Trung-kỳ

đặng quấy hai thúng ấy.

Xét trong thời gian mất nước ấy. Lấy binh khí mà so sánh thì biết ngay rằng: Annam ta 100 phần thua. Song lấy tâm-chí, nghĩa khí mà so sánh, thì có phần cự địch. Cho nên Đại-pháp tuy hùng binh nhuệ khí, dọc đất ngàn trời, mà tổ tiên ta nóng lòng cự địch, liều thân chẳng quản binh đao. Sau mỗi trận giặc tan, thấy chất như núi, máu chảy thành sông, bông trái sầu mà khô héo, cây cỏ sầu mà xanh vàng, cửa nhà vì chủ mà tan tành, heo bò vì chủ mà chết tốt. Ôi! thôi! Chỗ chiến trường là chỗ chôn người, nòi thê-thảm khó mà tả đặng.

Tổ tiên ta liều thân chết như thế, có phải là vì nước vì dân chăng? hay là vì lợi vì danh chăng? chắc ai cũng công nhận rằng: Vì nước vì dân cả. Vậy thì cái chết ấy quý báu biết bao nhiêu! vẻ vang biết bao nhiêu! Vậy mà đền Nghĩa-sĩ ở đâu? bia kỷ-công ở đâu? Ôi! vì nước quên mình, hồn nương mây gió, có được tượng đồng bia đá, như ai kia đâu? Đền nghĩa sĩ, bia kỷ-công, như mấy ông Tây trận-vong đâu? Kia! Ông Tấn-sĩ-Duy chết tại trận Gia-định, cha con ông Nguyễn-tri-Phương chết tại Hà-thành, ông Hoàn-Điệu chết tại Hà-ninh, ông Trần-thức-Nhận chết tại Thuận-an. Còn biết bao nhiêu ông vì nước quên mình nữa. Mà Sứ-Nam cũng chưa dám tặng khen. Phương chi là Nghĩa-sĩ đồng-binh, hăng hà sa số, sử chắc cũng khó ghi tên cho hết được.

Lấy nghĩa sĩ lúc ấy mà so sánh với nghĩa sĩ như Tây trận vong, thì nghĩa sĩ vì nước bỏ mình, chịu chết bao nhiêu là sự bạt đãi. Đáng thương thay! Đáng tiếc thay!

Nhắc đến cái thảm trạng mất nước, tức là Động « Cây-Kim Chỉ-Nam » động đến Cây Kim Chỉ Nam, thì nó chỉ ngay vô vấn đề thương nước. Đồng bào anh em chị em ôi! Đọc rồi nên nghĩ, nghĩ tới thêm buồn, thấy đó càng thương, thương rồi hoá giận. Chúng ta phải tự biết rằng: trong thời gian nước mất nhà hư từ bao giờ tới bây giờ, mẹ nước lo lẫn khôn cùng, đâu đành bỏ lẩn.

Chợ Ngã-năm.

Trừ ra mấy chợ chốn châu-thành,
 Chợ mới Ngã-năm rất có danh ;
 Hai dãy phố-lâu xây rộng rãi,
 Mấy căn nhà lá cất chung-quanh ;
 Dưới sông thuyền dật thuyên thương mãi,
 Trên lộ dọc ngan khách bộ-hành ;
 Đất đã dựng nên nguồn lợi ấy,
 Người Nam ta phải gắng đua tranh.

Sông Ngã-năm.

Năm ngọn sông « đầu » tại chỗ đây,
 Một Nam, hai Bắc, một Đông, Tây ;
 Thợ trời đặt-đề rành tay thợ,
 Thầy Pháp sửa-sang đáng mặt thầy ;
 Mặt nước ghe tàu thêm chạt nước.
 Đầu doi phố-xá rất vui vầy ;
 Ngã-ba, ngã-bẩy, nhiều nơi đẹp,
 Thanh vượng có khi nhượng chỗ này.

Tôi tới ở tại Ngã-năm 4 năm, xét biết quang cảnh còn mở mang khác nữa, nên làm hai bài thơ này để nhớ dấu tích ngày nay.

Phan-dình-Long

Thơ mừng 10 ông Hội-dồng Quân-hạt, (1926)

(Tháng 10 năm 1926, quốc dân Nam-kỳ tới phiên bỏ thăm cử, lúc ấy phái Đông-Pháp-lập-hiến là phái ông Bùi-quang Chiêu, mười ông đậu hết, nên văn hào các nơi đều có thơ mừng. Tôi cũng có mừng 2 bài, nay xin nhắc lại đây, may quý ông chiếu cố đến, mà cố danh tư nghĩa chăng ?

Bài 1.

Mười ông tranh cử đậu mười ông,
 Quý báu chi hơn một chữ đồng ;
 Chi-lớn nào ham chi phú-quí,
 Lòng son còn thệ với non-sông,
 Chông gai quét sạch, tìm đường rộng,

Lồng bầu phá tan, thỏa dạ trông ;
 Cái nợ giang-san toan trả đặng,
 Phỉ lòng ao-trước mấy thu đồng.

Bài 2.

Mừng qui ông, kính qui ông,
 Bao nhiêu mừng kính, bấy nhiêu trông ;
 Trông dây đoàn-thẻ mau ra trái,
 Trông nhánh đề-huê chóng trở bóng ;
 Trông trống Tự-do « vang » đất Việt,
 Trông cờ bình-dãng « phất » phương đông.
 Nước nhà sau đó, hay bao đó ?
 Chức trách do nơi qui Hối-dồng.

Phan-dình-Long.



Sửa chỗ quấy

- Trang thứ 10 hàng 32 chữ thứ 3 Đúc. đọc là Túc
 — 11 — 22 — 2 Đông — Đại
 — 12 — 26 — 11 Chết — biết
 — 15 — 1 sót chữ Đổng.
 — 16 hết hàng thứ nhất tới 4 chữ lớn này :
 2. Mục Tương-lai.
 — 17 thơ tổng kết chữ soạn đọc là sản.

Kìa ! lâu đài cao chừng nào, mẹ nước càng gai mắt chừng nấy. Xâu thuế nặng chừng nào, mẹ nước càng đau lòng chừng nấy. Mẹ nước muốn lo làm sao cho con dân thoát vòng nô lệ, cỏi ách cường quyền. Song dân ngu còn mê, mẹ nước biết làm sao đặng,

Ai là dân Việt-Nam ? mau mau thức tỉnh, diu dắt nhau khuyên dạy nhau, thương lấy nước nhà ta, chớ cứ ngu mãi hay sao ?

Thử hỏi trên thế gian này, dân tộc nào có nước có nên thương không ? Câu hỏi này trừ ra mấy nước mọi rợ, dã man, trả lời sao chưa biết. Chớ các nước văn minh trên hoàn cầu, đều trả lời rằng : « nghĩa vụ dân phải thương nước ». Nước ta núp dưới bóng cờ Đại-Pháp là một nước tối-văn-minh bên Châu Âu, mà cũng là một nước dân quyền trong thế giới. Cái vấn đề « Dân thương nước » nước bảo hộ ta đã chán biết rồi, cho nên có điều luật nào, cấm dân ta không cho thương nước ta đâu ? Vậy thì đồng-đào ta có nghi ngại gì mà không dám thương nước.

Đồng bào ôi ! ngày này là ngày sóng mỷ sắp tràn dất Việt, gió Âu toan thổi trời Nam. Toàn khắp thế gian đều biết chủ nghĩa thương nước. Lẽ nào riêng một góc trời Nam ta, riêng một dân tộc ta, trái hẳn cái chủ nghĩa thế-giới hay sao ? Vậy nên chúng ta phải cùng nhau lập chí thương nước.

Thương nước phải làm thế nào ?

Xét theo lẽ tự nhiên, từ xưa đến nay, bất luận nước nào, dân tộc nào, nước mất nhà hư, đều lỗi tại nổi da xáo thịt. Nay muốn đạt được cái mục-dịch thương nước, trước phải biết thương giống thương nòi. Nổi dậy liên-lạc, kết giải đơng tâm. Lo làm sao cho trăm ngàn người một dạ, Trung Nam, Bắc một nhà, vui đồng vui, lo đồng lo, vinh đồng vinh, nhục đồng nhục ; như rít nhiều chơn, như cây nhiều nhánh. Hiệp của chung vốn lập nhà kỹ-nghệ, dạy người trong nước cho tinh xảo. Đâu lưng đàu cật lập nhà thương mại, giành mỗi lợi quyền với ngoại bang. Dân ta được giàu

manh, thì nước chứa được quố; hồn giàu mạnh, dân ta được khôn ngoan, thì nước chứa được tinh thần khôn ngoan. Mỗi người đều công nhận 2 chữ quốc dân mà lo tròn phận sự. Thì lo gì nước nhà ta mai sau này không phú cường không thịnh trị. Nước đã được phú cường thịnh-trị rồi, tất nhiên được chen vai cùng vạn quốc. Lúc bấy giờ vẽ vang cho nước Việt-Nam, mà cũng có vẽ vang cho nước Đại-pháp là nước bảo hộ ta nữa.

• Đồng bào ôi! Đừng vì nhục nhỏ mà dứt dây liên-lạc, như mấy hội Thề-tháo xung đột nhau. Đừng vì lợi riêng mà dứt dãi đồng tâm, như mấy nhà nhứt-trình kích bát nhau. Đừng ỷ giàu mà khinh dễ nòi giống nghèo, như mấy ông chủ điền hà-khắc. Đừng ỷ sang mà vày-đạp nòi giống hèn, như mấy ông quan-lại tham tàn. Cũng không nên ỷ mạnh lấn yếu, ỷ đông hiếp ít nữa. Phải hiểu rõ cho mỗi người đều biết, mình là dân nước Việt-Nam, công việc trong nước, mình có một phần gánh vác, được thế, thì lo gì việc thương nước của dân ta không kết quả. Chớ cứ hô hào chót lưỡi, thương yêu ngoài môi, thì ích gì? Lại đừng nên vội làm bạo động, nghĩ vì nước mất mong đòi nước lại, vấn đề bạo động tuy hay. Song ngó lại đồng-bào ta, tài năng thua chúng, trí độ kém người, binh khí sạch không, kho tàng chưa có, da-dẻ mằm ái quố còn non, chồi hiệp-đoàn mới nảy (Từ năm 1925 2 cụ Phan về nước tới nay, dân ta mới có cái mằm thương nước, cái chồi hiệp đoàn) mà mong làm bạo động, là bạo-động cái gì? Chẳng qua nạp thịt cho hùm ăn, bày thân cho sói cắn. Rốt cuộc rồi, có ích chi đâu?

Chi bằng chúng ta xem địa-đồ mất nước, từ ly từ tí, ghi tạc vào lòng, thương nước bằng tinh thần, một ngày kia, chắc có hiệu quả được.

Ấy là một mục « quá khứ » chỉ rõ nguyên do, đồng bào ta thấy rõ mà thương, cũng như thấy người nghèo khó trước mặt, động đến lòng nhơn. Chớ chưa từng vận mạng nước, mà thấy người nói thương nước ta cũng thương theo, nào khác gì ta đưa đóm ma thấy họ khóc mà rung rung nước mắt, hỏi ra có tình tứ chi với người chết đâu?

bào ôi ! muốn thương nước phải rõ nguồn cơn của nước.

Nước Nam ta trải mấy ngàn năm trở lại đây, là một nước « bẽ-quan, tõe-thược ». Người làm đầu trong nước chỉ trọng văn-hóa nước mình (của Tàu truyền sang) ngoài ra, thì coi như tưởng chẳng có nước nào văn hiến bằng nước mình cả. Vì vậy cho nên người sanh trong nước trọn đời chẳng được xuất dương ; tài-vật trong nước chỉ trọn năm lưu thông trong nước. Cũng vì có ấy, mà tài vật, tư bản của nước Nam, chỉ có nước Tàu biết đã lâu đời, nước Pháp mới biết gần đây mà thôi. Ngoài hai nước ấy, chẳng có nước nào hiểu thấu nguồn lợi của nước Nam ta được. Chưa hiểu thấu nguồn lợi, thì không biết tư bản nước Nam nhiều ít thế nào ? nên không lòng mong mỏi. Từ trận giặc Âu chiến Pháp, Đức đánh nhau trong năm 1914-1918, rung động cả Hoàn Cầu. Lúc này là lúc năm châu đầu sức, sáu giống đua tài. Chánh là lúc mặt trời chiến tranh, khắp soi thế giới. Mà cũng là lúc các nước liệt-cường biết mặt Việt-Nam. Trong khi Đại-Pháp gặp trận huyết chiến ấy, nước Nam ta hết nghĩa vụ một nước hữu bang, lấy trung thành đối với nước bảo hộ. Nhà sang nhà giàu xuất tiền trợ cấp, kể sĩ kể dân, ứng mộ hiệu công. Da-dĩ quốc trái liên niên, quốc dân ta cũng đều sốt sắn. « Rồng Nam phun bạc, làm thua Phỗ-tặc, tờ báo-chương chứng có rõ ràng. Vì có ấy, sau khi trận giặc an rồi, người liệt-cường dòm thấy tài nguyên Nam-Việt.

Chưa biết, chưa để ý ; biết rồi mong mỏi lắm chẳng ? chắc có lẽ vậy. Huống lại nước Đại-Pháp đương cơn chiến tranh ấy, cũng có mang ơn liệt-cường và cũng có thiếu nợ liệt-cường. Cho nên họ dễ bề lui tới viếng thăm, mà cốt để dòm rình đất Việt. Hà-Lang xem trước, Nhật-bồn ngó sau ; Huê-kỳ giảng đạo tự do, Ân-lê thông thương thông thả. Đó, có phải cái « Triệu chứng » mẹ nước dụt mình, lo sợ hay không ? Song xét ra thì còn chưa định được. Như : Đại-Pháp giữ tròn thiên chức bảo hộ nước Nam, diu dắt quốc dân lên đường tấn-hóa, thì không lẽ chia đất nước Nam

cho nước này, cắt đất nước Nam cho nước khác, lợi dụng nước Nam như món hàng vậy đâu ?

Vậy mà có nhiều khi đồng bào ta hô hoản lên rằng : Nước bảo hộ muốn bán đất ta cho ngoại quốc dặng trừ nợ, vân vân. Dư luận rùm tai, mẹ nước lại càng lo lắng. Vì đã mất quyền tự trị, nhục kia chưa rửa dặng nào, nay sợ làm tới nhiều nhà, thì còn chi là nước. Lo sợ quá ! buồn rầu quá ! nên mẹ nước bỏ phứt việc trị an trong nước. Như : Nam-kỳ lúa mới trở bị khô, mẹ nước như tưởng không chi. Bắc-kỳ bờ đê sông Nhị-hà bị lở, mẹ nước như tưởng không quan tâm. Trung-kỳ bảo lụt liên niên, như dân đồ thân ; cho đến những việc học-sanh bãi khóa, kỹ-nghệ đình công ; dịch-khí lưu hành, họa tai đồn-dập. Đó có phải mẹ nước tổ dẫu buồn rầu, cho nước Đại-Pháp giữ tròn trách nhiệm chẳng ? Hay là buồn rồi lại giận, mà gây ra ác-căm chẳng ? Hay là giận quá hóa liều, xuôi dục cho dân bạo-dộng chẳng ? Chắc chưa hiểu thấu được. Ai là người dân trong nước, chẳng thương nước mấy đều sợ hãi ấy, mà đồng tình thưng-đạc, cho nước Đại-Pháp rõ rằng :

Thế nào nước ta cũng chẳng chịu làm tội nhiều chủ, dặng nước Đại-Pháp lo phương đề phòng trước, cho bọn dòm rình kia hết kế sanh đoan. Chớ lẽ nào khoanh tay ngồi đó, ngó chừng hay sao ?

Lại thương cho nước hiện nay, đất của ta, mà ngoại như khai khẩn, thổ-sản của ta, mà ngoại quốc thối-thâu. Chẳng biết mai sau này, tới bực nào nữa. Vậy mà đồng bào ta ; nhưt là mấy ông có tư-bồn, không nên hô hào cổ động nhau, lập xưỡng này xưỡng nợ, dặng giành lại quyền lợi cho nước ta, thì còn mong gì nước nhà ta mai sau này giàu mạnh được. Nước không giàu mạnh thì mong gì độc-lập ?

Ai là người thương nước, cần phải lo âu.

Lại thương cho nước trọn năm nay gặp nhiều đều dặng sợ. Như : Hải-phòng, Hoa-Việt tương tranh trái tình giao hảo. (Hải-phòng thuộc về Bắc-kỳ, người huê-kiều cùng đồng bào ta giành gánh nước uống, mà thành ra xung đột dữ

dội). Rạch-giá, Thồ-nhơn phiến-loạn, mất nghĩa tương thân. (Thồ-nhơn ở làng Ninh-thanh-lợi phiến loạn chống cự với quan binh, rồi cuộc rồi Đại-pháp dẹp yên). Cho đến giặc Trung-Huê lan khắp Moneay (Bắc-kỳ) đôi phen khuấy-rối, chẳng biết rồi đây, còn thế nào ?? Huống lại mấy năm nay mấy nước lân bang vô sự, biển Thái-bình quả thiệt Thái-bình: Năm nay, thoát tiên nghe Hồng-mao, Trung-Huê cấu-hấn, biển Thái-bình sóng gió sắp ồ ào. Kế lại nghe Mỹ-Nhật tranh hùng. Tất nhiên sóng gió biển Thái-bình, một ngày kia trở nên vục vục ầm ầm, không thế nào thái bình được. Đồng bào ơi! Cái thời đại chiến tranh này là thời đại mạnh được yếu thua, mà trường huyết chiến nếu gây trên mặt biển Thái-bình, là chỗ rất gần nước ta, tất cũng sợ họa lây vô nước. Vậy nên mẹ nước ôm ấp nỗi buồn sầu, con cháu lẽ nào chẳng tự tự tự tỉnh mà giữ lấy nước nhà ta hay sao ? Kia ! trước cửa Trung-Huê cách-mạng, bên nhà Nhứt-bồn xung hùng, cho đến nước Xiêm-La là nước phụ cận của ta, mà nay cũng đã dựng cờ độc-lập. Có phải dân khi họ có tinh thần thương nước gây ra đó chăng ? Ôi ! họ là người, ta cũng là người, họ biết thương nước ta thì không thương là nghĩa lý gì ? Đồng bào ! anh em chị em ơi ! Cây-Kim Chỉ-Nam, chỉ rõ cái địa đồ mất nước, và luận cái vấn đề thương nước đã rõ ràng, vậy Đồng bào chẳng còn nghi nghi ngờ ngờ rằng : Nước bảo-hộ không cho ta thương nước, mà trọn đời chỉ biết có nhà, rồi hóa ra hạng người vô dụng, thì ổng lắm.

Thấy người rồi nghĩ đến ta, dân không thương nước, coi ra hạng gì ? Đồng bào ! nên phải xét suy, dân thì có nước, nước thì có dân.

Thơ Tổng-kết

*Non sông thêu dệt nước Nam ta,
Thử-Tổ Kinh-Dương soạn lập ra,
Thước đất, tức vàng nguồn lợi nước,
Sợi tơ, hột gạo, vẫn công nhà,*

*Cơ-dỡ triệu-tạo, mảy râu bạc,
Sự-nghiệp lưu-lai, tuổi-tác già,
Gầy dựng ơn sâu, đầu nở phụ,
Đồng bào ! nên giữ của ông-cha.*

DÂN-TRÍ THƠ-XÃ « Ngả năm »

Phan-đình-Long.

Ngỏ cùng anh em hội Thề-tháo.

Nhơn thấy hội này cùng hội khác đá banh chơi, thường lấy sự hơn thua xung đột nhau, cho đến đôi dứt dây liên lạc, cho nên cảm động mà làm thơ này :

*Một hội một thuyền Thề-tháo nhau,
Chia vinh chia nhục lại chia đau,
Thương nói tiết giống noi người trước,
Rung trống phát cờ thức kẻ sau,
Lấp biển mong nhờ tay Thề-dục,
Và trời toan cạy sức đồng-bào (1),
Nỡ vì nhục nhỏ mà xung đột,
Kìa ! lớn tay non, mới tính sao ? ? ?*

Ngỏ cùng người qua đèo

*Trung-Bắc chung nhau một mối đường,
Cuộc đời càng thấy lai càng thương,
Kìa ! mây chuyên chế che trên óc,
Nọ ! gió cường quyền thổi thấu xương,
Trước mặt chó săn nằm khắp nẻo,
Sau lưng khỉ đột nhảy cùng vườn,
Vet mây, ngăn gió, trừ loài thú,
Ta phải cùng ta gắng sức đương.*

PHAN-ĐÌNH-LONG

(1) Chĩ về Đồng-bào Thề-tháo

NHÀ NGỦ PHÁT-SANH

Dường Đại-Ngãi — Sóc-trăng

Phòng ngủ rộng rãi, giường mùng sạch sẽ, bồi dể sai khiến. quý ông, quý bà đi Sóc-trăng ghé lại nhà ngủ này, ắt được vừa lòng.

VẠN-THUẬN-LONG

COMMERÇANT NGÃ-NĂM

Bán hiện bán đủ các thứ hàng Bắc, hàng Tàu, hàng Tây, hàng Bombay và máy hát, đĩa hát, xe máy, nón, giày v. v. tại đủ các môn đồ tạp hóa, xin quý ông, quý bà chiếu cố.

Chủ-phơn: TỬ-BÍNH-LÁI cần bạch.

Hàng **Vĩnh-Hưng** là một tiệm thợ bạc lớn nhất ở Ngã-đầu, Phan-đơn bán đủ các môn đồ nữ-trang, xin quý ông, quý bà chiếu cố đến ắt được vừa lòng Ngoài tiệm này còn tiệm **DIỆP-VĂN-HỮU** nữa.

HIỆP-THẠNH-LONG

COMMERÇANT NGÃ-NĂM

Bán đủ các thứ hàng bốn-quốc và ngoại quốc, giày tây, nón tây, giày Bắc và đồ tạp hóa, chủ phơn tiếp rước tử tử.

TỬ-BÍNH-CHƯ cần bạch.

DÂN - TRÍ THƠ - XÃ

Chủ-nhiệm : PHAN-ĐÌNH-LONG

ĐÃ XUẤT BẢN :

Đình chánh phòng tục	giá	0,20
Đối liên trích lục	—	0,40
Việt-Nam luận-lý thiết-lục	—	0,20
Một trăm chuyện lạ trên đời	—	0,15
Tiểu thuyết Tịch tà qui chánh		
cuốn nhứt, cuốn nhì	—	0,40
Thiên nhơn cộng soại	—	0,15
Cây-Kim Chi-Nam	—	0,20
Thơ chàng cóc ra đời	—	0,15

Những sách này có trữ bán tại tiệm :

HUNG - PHÁT

Commerçant (Nga-nam)

Và gửi bán tại :

TÍN - ĐỨC THƯ - XÃ

37, Rue Sabourain — SAIGON

LÝ-CÔNG AN-QUÂN (Sốt-răng) và các tiệm khác.

ĐƯƠNG XUẤT BẢN :

Bộ truyện Gia-Các Khổng-Minh, cuốn nhứt, cuốn nhì, cuốn ba và cuốn tư (4 cuốn trọn bộ).

Những sách của bản xã đã in rồi. Quý vị ở lục châu, có vui lòng mua sỉ, bản xã lĩnh Huệ hồng 50%, Tiền gửi quý vị phải chịu.

Xin đề thơ ngay như vậy:

Monsieur LÂM-TẤN-HUNG

Chủ-nhiệm : DÂN-TRÍ THƠ-XÃ

NGŨ-XÂM PHƯỚC-LONG